

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 681/2025/DS-PT

Ngày: 31 - 12 - 2025

V/v “Tranh chấp kiện đòi
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Huyền Kim - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 646/2025/TLPT - DS ngày 28/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 630/2025/QĐ-PT ngày 08/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1958 (có mặt)

Bà Ninh Thị H1, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại 0986 247 215

Bị đơn: Ông Phạm Đức H2, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại 0914198968

Do có kháng cáo của: Bị đơn ông Phạm Đức H2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1 thống nhất trình bày:

Năm 2011 (không nhớ thời gian cụ thể) vợ chồng ông H, bà H1 có cho ông Phạm Đức H2 vay bằng tiền mặt số tiền 60.000.000 đồng nhưng các bên thống nhất quy thành 02 cây vàng 9999 để trả. Khi cho vay không thỏa thuận thời hạn trả và do mối quan hệ hàng xóm thân thiết nên ông H, bà H1 cũng không yêu cầu tính lãi, tuy nhiên ông H2 vẫn tự nguyện trả. Ngày 07/12/2016 ông H2 trả 28.000.000 đồng tiền lãi cho vợ chồng ông H với hình thức bằng tiền mặt và một phần trả bằng hiện vật là đồ gỗ của ông H2, đồng thời viết giấy biên nhận còn nợ lại 02 cây vàng trên. Sau ngày viết giấy biên nhận chốt nợ trên mấy tháng thì vợ chồng ông H đã yêu cầu trả lại 02 cây vàng nhưng ông H2 chưa trả. Ngoài ra ngày 08/02/2017 vợ chồng ông H tiếp tục cho ông H2 vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng sau trả, có thỏa thuận tiền lãi, nhưng đến hạn ông H2 cũng không trả cả gốc và lãi. Cả hai khoản vay trên vợ chồng ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H2 cứ khất nợ, việc đòi và khất nợ không có giấy tờ gì.

Đối với việc ông H2 cho rằng đã trả hết nợ bằng việc trừ vào tiền bà H1 mua đồ gỗ của ông H2 thì vợ chồng ông H, bà H1 xác định có sự việc mua các món đồ gỗ như ông H2 trình bày, tuy nhiên vợ chồng ông đã trả tiền đầy đủ cho ông H2, chỉ cần trừ vài món vào số tiền lãi 28.000.000 đồng trên, không có việc cần trừ toàn bộ tiền nợ vì hiện ông H, bà H1 vẫn còn giữ giấy nợ gốc và đến năm 2023 khi bà H1 đòi nợ liên tục thì ông H2 đã trả thêm được 5.000.000 đồng là tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả.

Nay ông H, bà H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H2 trả 02 cây vàng 9999 và 50.000.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Đức H2 vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án ông H2 trình bày:

Ông H2 có vay của vợ chồng ông H, bà H1 60.000.000 đồng và các bên thống nhất quy đổi số tiền trên thành 02 cây vàng 9999, do lâu quá không nhớ thời gian vay nhưng đến ngày 07/12/2016 ông H2 có trả 28.000.000 đồng tiền lãi và có viết giấy biên nhận còn nợ lại 02 cây vàng 9999. Mặc dù không thỏa thuận thời gian trả vàng nhưng từ khi viết giấy chốt nợ ngày 07/12/2016 thì ông H, bà H1 đã yêu cầu trả 02 cây vàng này. Ông H2 cũng thống nhất ngày 08/02/2017 có vay của ông H, bà H1 thêm 50.000.000 đồng, có viết giấy thỏa thuận 01 tháng sau trả. 02 giấy biên nhận do ông H, bà H1 nộp đúng là do ông H2 ghi và ký tên. Tuy nhiên theo ông H2 ông đã thanh toán hết 02 khoản nợ trên cho ông H, bà H1, không trả

bằng tiền mặt mà trả bằng hiện vật, cụ thể do ông làm đồ gỗ nên bà H1 đã lấy số lượng đồ gỗ để trừ nợ gồm:

+ Đối với 02 cây vàng: Trừ bằng 02 bộ ghế truyện tay 12, 07 món/bộ, giá 38.000.000 đồng/bộ, 02 tủ kệ giá 18.000.000 đồng/ cái

+ Đối với 50.000.000 đồng: Trừ bằng 03 giường gỗ, 15.000.000 đồng/ cái; 01 cái vông gỗ giá 4.000.000 đồng; 01 ghế tựa dây 3.700.000 đồng; 08 ghế tựa 3.000.000 đồng/cái; 02 tủ để dép 7.000.000 đồng/ cái

Do chỗ hàng xóm nên các bên không lập giấy tờ hóa đơn gì về việc cân trừ nợ trên, nhưng ông H2 xác định đã trừ hết nợ nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1.

Đối với việc ông H, bà H1 cho rằng năm 2023 ông H2 có trả 5.000.000 đồng là tiền lãi thì ông H2 xác định có sự việc ông H2 đưa 1.000.000 đồng tiền mặt cho ông H và ngày hôm sau có chuyển khoản thêm cho ông H thêm 4.000.000 đồng. Tuy nhiên khoản tiền trên không phải là trả lãi mà là tiền ông H2 cho ông H mượn do ông H nói đi làm sổ đất nhưng thiếu tiền nộp. Ông H2 không có yêu cầu giải quyết gì đối với số tiền 5.000.000 đồng cho ông H mượn trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1

Buộc ông Phạm Đức H2 trả cho ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1 số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng)

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà H1 về việc yêu cầu ông H2 trả 02 (hai) cây vàng loại 9999.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 20/10/2025, bị đơn ông Phạm Đức H2 nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H2 trả cho nguyên đơn 100 triệu đồng theo giấy biên nhận ngày 07/12/2016 và giấy biên nhận ngày 08/02/2017 và trả 01 lần, thời hạn trả là ngày 30/01/2026.

- Bị đơn ông H2 thay đổi một phần kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm 34/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu

vực 14 - Đồng Nai theo hướng ông H2 chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50 triệu đồng, mỗi tháng trả 10 triệu đồng cho đến khi trả xong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm về phần quan hệ pháp luật là “kiện đòi tài sản” và buộc bị đơn ông H2 phải trả cho nguyên đơn số tiền 100 triệu đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức H2 làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Đức H2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác. Vì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền gốc 110.000.000 đồng (tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn đang bị bị đơn chiếm giữ), không đặt ra yêu cầu tính lãi. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP, “tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu” là trường hợp tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của mình nhưng do người khác đang quản lý, chiếm hữu nếu đã hết thời hiệu đối với yêu cầu lãi thì Tòa án không giải quyết phần lãi, nhưng đối với yêu cầu đòi lại tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện và vẫn thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Vì vậy, cấp phúc thẩm sửa lại quan hệ tranh chấp “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất trước năm 2016 vợ chồng ông H, bà H1 có cho ông H2 vay số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên thỏa thuận quy thành 02 cây vàng 9999 để trả, ngày 07/12/2016 ông H2 có trả cho ông H, bà H1 28.000.000 đồng tiền lãi và viết giấy biên nhận về việc nợ ông H, bà H1 02 cây vàng trên. Các bên cũng thống nhất ngày 08/02/2027 ông H,

bà H1 tiếp tục cho ông H2 vay số tiền 50.000.000 đồng có viết giấy biên nhận với thời hạn trả nợ là 01 tháng.

Theo ông H, bà H1 đến nay mặc dù ông, bà đã đòi rất nhiều lần nhưng ông H2 chưa trả số vàng và tiền trên. Ông H2 thì cho rằng ông đã trả hết nợ, cụ thể trả bằng hiện vật là đồ gỗ của ông bán cho bà H1 nhưng không lấy tiền mà cán trừ vào số tiền vay, cụ thể:

+ Khoản nợ 02 cây vàng trừ bằng 02 bộ ghế truyện tay 12, 07 món/bộ, giá 38.000.000 đồng/bộ, 02 tủ kệ giá 18.000.000 đồng/cái

+ Khoản nợ 50.000.000 đồng trừ bằng 03 giường gỗ, 15.000.000 đồng/ cái; 01 cái võng gỗ giá 4.000.000 đồng; 01 ghế tựa dây 3.700.000 đồng; 08 ghế tựa 3.000.000 đồng/cái; 02 tủ để dép 7.000.000 đồng/cái

Xét: Việc ông H, bà H1 có cho ông H2 vay số tiền 60.000.000 đồng (các bên thống nhất quy thành 02 cây vàng 9999) theo giấy biên nhận ngày 07/12/2016 và cho vay 50.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 08/02/2017 là sự thật, được ông H2 thừa nhận nên ông H, bà H1 không có trách nhiệm chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H2 cho rằng đã trả nợ bằng hình thức cán trừ đồ gỗ, ông H, bà H1 xác định có mua số đồ gỗ như ông H2 trình bày, tuy nhiên cho rằng chỉ 01 phần là cán trừ vào số tiền lãi 28.000.000 đồng trên còn lại đã thanh toán tiền mặt đầy đủ cho ông H2. Hiện ông H, bà H1 đang giữ giấy nợ gốc nên trách nhiệm chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, việc ông H2 cho rằng giao tài sản để cán trừ nợ nhưng không có hóa đơn chứng từ, không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, cũng không ai chứng kiến nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, xét bản chất tài sản ông H, bà H1 cho ông H2 vay là số tiền 60.000.000 đồng, không phải cho vay vàng. Mặc dù trước đây các bên có thống nhất quy 60.000.000 đồng trên thành 02 cây vàng 9999, nhưng xét giá trị vàng hiện nay cao hơn số tiền gốc các bên cho nhau vay, việc nguyên đơn yêu cầu trả tài sản giá trị cao hơn tài sản khi cho vay nhưng tranh chấp không thuộc trường hợp được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản để có thể yêu cầu tiền lãi theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, bà H1, buộc ông H2 trả lại cho ông H, bà H1 tài sản vay là số tiền 60.000.000 đồng theo giấy biên nhận chốt nợ ngày 07/12/2016 và 50.000.000 đồng của khoản vay theo giấy biên nhận ngày 08/02/2017 theo quy định tại các điều 155, 166, 280 Bộ luật dân sự 2015.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H2 trả cho nguyên đơn 100 triệu đồng theo giấy biên nhận ngày 07/12/2016 và giấy biên nhận ngày 08/02/2017 và trả 01 lần, thời hạn trả là ngày 30/01/2026. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 50 triệu đồng và mỗi tháng trả cho nguyên đơn 10 triệu đồng cho đến khi trả xong.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1 buộc ông Phạm Đức H2 trả cho ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông H2 sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông H2 không phải chịu án phí theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức H2;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai về phần quan hệ pháp luật tranh chấp “kiện đòi tài sản”.

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 155, 157, 166, 280, 429, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 256, 471, 474, 477, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1

Buộc ông Phạm Đức H2 trả cho ông Nguyễn Công H, bà Ninh Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả 01 lần và thời hạn trả ngày 30/01/2026.

2. Về án phí: Buộc ông H2 chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà H1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Đồng Nai) trả lại cho bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.650.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006633 ngày 11 tháng 10 năm 2024.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Đức H2 không phải chịu. Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho ông H2 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006177 ngày 31/10/2025.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Toà án nhân dân Khu vực 14 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga Bùi Thanh T

Bùi Văn B

Phần đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn sử dụng thửa đất đều được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất ông Hứa L giáp ranh thửa đất anh Nguyễn Văn T1, các bên sử dụng đất không có cột mốc ranh giới, phần đất tranh chấp chiều dài theo mặt đường 7,11m.